| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ BẠC LIÊU**<br>**TỈNH BẠC LIÊU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28 tháng 02 năm 2023
V/v tranh chấp ly hôn

# NHÂN DANH
# NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Phạm Thị Chi**

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà **Tô Hồng Hà**

Ông **Lê Tuấn Kiệt**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Bùi Công Bằng** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tham gia phiên toà:* Bà **Dương Thị Tiểu My** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 502/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn*: Bà Lâm Thị Si N, sinh năm 1969; địa chỉ: số #, ấp B, xã V, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

*2. Bị đơn*: Ông Lâm Văn Q, sinh năm 1972; Địa chỉ: ấp B, xã V, thành phố S, tỉnh Bạc Liêu.

(Bà Si N và ông Q vắng mặt và có đơn xin vắng)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 17/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Lâm Thị Si N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Q tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới theo phong tục vào năm 1993, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, ngày 22/12/2004. Trong quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc nhưng về sau, do bất đồng quan điểm sống, ông Q có tình cảm với người khác, từ năm 2008 Ông Q đã bỏ mặc vợ con không quan tâm đến. Bà và Ông Q đã ly thân từ năm 2008 đến nay. Nay bà xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà không còn tình cảm

với Ông Q nên bà yêu cầu được ly hôn với Ông Lâm Văn Q.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và Ông Q có 02 con chung là Lâm Thanh V1, sinh ngày 27/8/1994 và Lâm Thị Yến Ph, sinh ngày 17/5/2000, hiện nay cả hai con chung đều đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần, các con đã có gia đình riêng nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung, Bà Si N xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Ông Q nhưng Ông Q đều vắng mặt và không có bất cứ ý kiến phản hồi gì đối với yêu cầu xin ly hôn của Bà Si N. Ngày 17/02/2023 Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ theo thủ tục tố tụng và các văn bản có liên quan nên về hình thức tố tụng Viện kiểm sát xét thấy bảo đảm đủ điều kiện và hợp pháp. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin vắng theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, Bà Si N và Ông Q chung sống có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng đã mâu thuẫn, không sống chung trong một thời gian dài, không thể hàn gắn nên việc Bà Si N yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung, không yêu cầu và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết: Bà Lâm Thị Si N yêu cầu ly hôn với Ông Lâm Văn Q, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Ông Lâm Văn Q cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn Bà Lâm Thị Si N và bị đơn Ông Lâm Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Bà Lâm Thị Si N.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Si N và Ông Q tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 1993, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch Đông, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, ngày 22/12/2004 nên quan hệ hôn nhân giữa Bà Si N và Ông Q là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Bà Si N xác định cuộc sống hôn nhân phát sinh nhiều mâu thuẫn, Ông Q đã có tình cảm với người khác, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Lâm Văn Q đã được Tòa

án tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật và đã được biết việc nguyên đơn Bà Si N yêu cầu ly hôn với ông nhưng trong quá trình chuẩn bị xét xử Ông Q đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi gửi cho Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của Ông Q. Điều này cho thấy Ông Q đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với Bà Si N. Tại biên bản xác minh, đại diện chính quyền địa phương xác định, vợ chồng Bà Si N và Ông Q có xảy ra mâu thuẫn hôn nhân và đã sống ly thân từ lâu, hôn nhân giữa Bà Si N và Ông Q đã trầm trọng, không thể hàn gắn và có căn cứ cho ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên mối quan hệ tình cảm vợ chồng, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, cùng nhau chia sẻ, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, Ông Q bỏ mặc hôn nhân, không mong muốn hàn gắn và thực tế đã ly thân từ lâu. Từ đó cho thấy hôn nhân giữa Bà Si N và Ông Q đã đến mức trầm trọng, các bên không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho Bà Lâm Thị Si N ly hôn với Ông Lâm Văn Q.

[3.2] Về con chung: Theo lời trình bày của Bà Si N phù hợp với giấy khai sinh, sổ hộ khẩu gia đình cho thấy giữa Bà Si N và Ông Q có 02 người con chung là Lâm Thanh V1, sinh ngày 27/8/1994 và Lâm Thị Yến Ph, sinh ngày 17/5/2000. Xét thấy cả hai con chung nay đều đã trưởng thành, trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết vấn đề về nuôi dưỡng con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Bà Si N xác định bà và Ông Q tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà Si N xác định bà và Ông Q không có nợ chung không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận toàn bộ.

[5] Về án phí: Bà Lâm Thị Si N yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của Bà Lâm Thị Si N.

1. Về hôn nhân: Cho Bà Lâm Thị Si N ly hôn với Ông Lâm Văn Q.

2. Về con chung: Anh Lâm Thanh Vũ, sinh ngày 27/8/1994 và chị Lâm Thị Yến Phương, sinh ngày 17/5/2000 đã trên 18 tuổi, không bị nhược điểm về thể chất và tinh thần nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lâm Thị Si N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Si N đã nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008161 ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu nên được chuyển thu án phí.

6. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai, Bà Si N, Ông Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**Phạm Thị Chi**